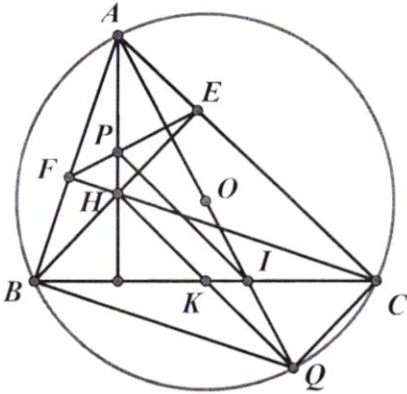


Bài	Ý	Nội dung	Điểm
Bài I 2,0 điểm	1)	Tính giá trị của biểu thức $A = \frac{4(\sqrt{x} + 1)}{25 - x}$ khi $x = 9$ .	0,5
		Thay $x = 9$ vào biểu thức $A = \frac{4(\sqrt{9} + 1)}{25 - 9}$	0,25
		Tính được $A = 1$	0,25
	2)	Rút gọn biểu thức $B = \left( \frac{15 - \sqrt{x}}{x - 25} + \frac{2}{\sqrt{x} + 5} \right) : \frac{\sqrt{x} + 1}{\sqrt{x} - 5}$ với $x \geq 0, x \neq 25$ .	1,0
		$\frac{15 - \sqrt{x}}{x - 25} + \frac{2}{\sqrt{x} + 5} = \frac{15 - \sqrt{x} + 2(\sqrt{x} - 5)}{(\sqrt{x} + 5)(\sqrt{x} - 5)}$	0,25
		$= \frac{1}{\sqrt{x} - 5}$	0,25
		$B = \frac{1}{\sqrt{x} - 5} \times \frac{\sqrt{x} - 5}{\sqrt{x} + 1}$	0,25
		$B = \frac{1}{\sqrt{x} + 1}$	0,25
	3)	Tìm tất cả giá trị nguyên của $x$ để biểu thức $P = A.B$ đạt giá trị nguyên lớn nhất.	0,5
		$P = A.B = \frac{4(\sqrt{x} + 1)}{25 - x} \times \frac{1}{\sqrt{x} + 1} = \frac{4}{25 - x}$	0,25
Lập luận để $P$ đạt giá trị nguyên lớn nhất bằng 4 khi $x = 24$		0,25	
Bài II 2,5 điểm	1)	Hai đội công nhân cùng làm chung một công việc thì sau 15 ngày làm xong. Nếu đội thứ nhất làm riêng trong 3 ngày rồi dừng lại và đội thứ hai làm tiếp công việc đó trong 5 ngày thì cả hai đội hoàn thành được 25% công việc. Hỏi nếu mỗi đội làm riêng thì trong bao nhiêu ngày mới xong công việc trên ?	2,0
		Gọi thời gian đội thứ nhất làm riêng xong công việc là $x$ (đơn vị: ngày, $x > 0$ )	0,25
		Gọi thời gian đội thứ hai làm riêng xong công việc là $y$ (đơn vị: ngày, $y > 0$ )	0,25
		1 ngày đội thứ nhất làm được $\frac{1}{x}$ (công việc)	0,25
		1 ngày đội thứ hai làm được $\frac{1}{y}$ (công việc)	
Hai đội cùng làm chung một công việc sau 15 ngày xong, có phương trình			

		$\frac{1}{x} + \frac{1}{y} = \frac{1}{15} \quad (1)$	0,25
		Đội thứ nhất làm riêng trong 3 ngày và đội thứ hai làm tiếp công việc đó trong 5 ngày thì cả hai đội hoàn thành được 25% công việc, có phương trình	0,25
		$\frac{3}{x} + \frac{5}{y} = \frac{1}{4} \quad (2)$	
		Từ (1) và (2) ta có hệ phương trình $\begin{cases} \frac{1}{x} + \frac{1}{y} = \frac{1}{15} \\ \frac{3}{x} + \frac{5}{y} = \frac{1}{4} \end{cases}$	0,25
		Giải hệ phương trình tìm được $\begin{cases} x = 24 \\ y = 40 \end{cases}$	0,25
		Đối chiếu điều kiện và kết luận: đội thứ nhất làm riêng thì sau 24 ngày xong công việc, đội thứ hai làm riêng thì sau 40 ngày xong công việc.	0,25
	2)	<b>Một bồn nước inox có dạng một hình trụ với chiều cao 1,75 m và diện tích đáy là 0,32 m<sup>2</sup>. Hỏi bồn nước này đựng đầy được bao nhiêu mét khối nước ? (Bỏ qua bề dày của bồn nước).</b>	0,5
		Số mét khối nước bồn đựng đầy bằng thể tích của bồn.	0,25
		Bồn nước đựng được số mét khối nước là $1,75 \times 0,32 = 0,56 (m^3)$ .	0,25
Bài III 2,0 điểm	1)	<b>Giải phương trình</b> $x^4 - 7x^2 - 18 = 0$ .	1,0
		$\Leftrightarrow (x^2 + 2)(x^2 - 9) = 0$	0,25
		TH1: $x^2 = -2$ (vô nghiệm)	0,25
		TH2: $x^2 = 9 \Leftrightarrow x = 3$ hoặc $x = -3$	0,25
		Tập nghiệm phương trình $S = \{-3; 3\}$ .	0,25
	2)	<b>Trong mặt phẳng tọa độ Oxy, cho đường thẳng (d): <math>y = 2mx - m^2 + 1</math> và parabol (P): <math>y = x^2</math>.</b>	0,5
		<b>a) Chứng minh (d) luôn cắt (P) tại hai điểm phân biệt.</b>	
		Xét phương trình hoành độ giao điểm của (d) và (P) $x^2 = 2mx - m^2 + 1 \Leftrightarrow x^2 - 2mx + m^2 - 1 = 0$	0,25
		$\Delta' = m^2 - (m^2 - 1) = 1 ; \Delta' > 0 \quad \forall m$	0,25
		Vậy (d) luôn cắt (P) tại hai điểm phân biệt với mọi giá trị của m.	
	<b>b) Tìm tất cả giá trị của m để (d) cắt (P) tại hai điểm phân biệt có hoành độ <math>x_1, x_2</math> thỏa mãn <math>\frac{1}{x_1} + \frac{1}{x_2} = \frac{-2}{x_1 x_2} + 1</math>.</b>	0,5	
	Theo định lý Vi-et: $x_1 + x_2 = 2m$ và $x_1 x_2 = m^2 - 1$ $\frac{1}{x_1} + \frac{1}{x_2} = \frac{-2}{x_1 x_2} + 1; \text{ĐK: } x_1 x_2 \neq 0 \Leftrightarrow m \neq \pm 1$		

		$\Leftrightarrow \frac{x_1 + x_2}{x_1 x_2} = \frac{-2 + x_1 x_2}{x_1 x_2} \Rightarrow x_1 + x_2 = -2 + x_1 x_2$	0,25	
		$\Leftrightarrow 2m = -2 + m^2 - 1 \Leftrightarrow m^2 - 2m - 3 = 0 \Leftrightarrow (m+1)(m-3) = 0$ $\Rightarrow m = -1 \text{ (loại) hoặc } m = 3 \text{ (tmđk). Vậy } m = 3.$	0,25	
<b>Bài IV</b> 3,0 điểm	1)	<b>Cho tam giác <math>ABC</math> có ba góc nhọn (<math>AB &lt; AC</math>) nội tiếp đường tròn (<math>O</math>). Hai đường cao <math>BE</math> và <math>CF</math> của tam giác <math>ABC</math> cắt nhau tại điểm <math>H</math>.</b>	1,0	
		<b>1) Chứng minh bốn điểm <math>B, C, E, F</math> cùng thuộc một đường tròn.</b>		
			Vẽ đúng hình đến ý 1)	0,25
			$BE \perp AC \Rightarrow BEC = 90^\circ$	0,25
			$CF \perp AB \Rightarrow CFB = 90^\circ$	0,25
			$\Rightarrow$ bốn điểm $B, C, E, F$ cùng thuộc đường tròn đường kính $BC$ .	0,25
			<b>2) Chứng minh đường thẳng <math>OA</math> vuông góc với đường thẳng <math>EF</math>.</b>	1,0
			Ta có $BCEF$ là tứ giác nội tiếp $\Rightarrow AEF = ABC$	0,25
			Kẻ đường kính $AQ \Rightarrow \Delta AQC$ vuông tại $C \Rightarrow QAC + AQC = 90^\circ$	0,25
			Xét $(O)$ có $AQC = ABC = \frac{1}{2} \text{ số } AC$	0,25
			$\Rightarrow AEF + EAO = 90^\circ \Rightarrow AO \perp EF$ .	0,25
			<b>3) Gọi <math>K</math> là trung điểm của đoạn thẳng <math>BC</math>. Đường thẳng <math>AO</math> cắt đường thẳng <math>BC</math> tại điểm <math>I</math>, đường thẳng <math>EF</math> cắt đường thẳng <math>AH</math> tại điểm <math>P</math>. Chứng minh tam giác <math>APE</math> đồng dạng với tam giác <math>AIB</math> và đường thẳng <math>KH</math> song song với đường thẳng <math>IP</math>.</b>	1,0
			$EAO = HAB$ (vì cùng phụ với $ABC$ ) $\Rightarrow EAP = IAB$	0,25
			$AEP = ABI \Rightarrow \Delta APE$ đồng dạng $\Delta AIB$ (g.g)	0,25
			$\Delta APE$ đồng dạng $\Delta AIB$ (g.g) $\Rightarrow \frac{AE}{AB} = \frac{AP}{AI}$ (1)	0,25
	$\Delta AEH$ đồng dạng $\Delta ABQ$ (g.g) $\Rightarrow \frac{AE}{AB} = \frac{AH}{AQ}$ (2)			
	Từ (1), (2) $\Rightarrow \frac{AP}{AI} = \frac{AH}{AQ} \Rightarrow \frac{AP}{AH} = \frac{AI}{AQ} \Rightarrow PI \parallel HQ$ (3)			
	Chứng minh tứ giác $HCQB$ là hình bình hành $\Rightarrow H, K, Q$ thẳng hàng (4) Từ (3), (4) $\Rightarrow KH \parallel IP$ .	0,25		

X.H.C  
ÁO D  
O TẠ  
HÀ M

<b>Bài V</b> 0,5 điểm	<b>Cho biểu thức <math>P = a^4 + b^4 - ab</math>, với <math>a, b</math> là các số thực thỏa mãn <math>a^2 + b^2 + ab = 3</math>. Tìm giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của biểu thức <math>P</math>.</b>	<b>0,5</b>
	$P = (a^2 + b^2)^2 - 2a^2b^2 - ab$ $= (3 - ab)^2 - 2a^2b^2 - ab = -a^2b^2 - 7ab + 9 = -\left(ab + \frac{7}{2}\right)^2 + \frac{85}{4}$ <p>Ta có <math>a^2 + b^2 + 2ab = 3 + ab \Rightarrow 3 + ab = (a + b)^2 \Rightarrow ab \geq -3</math>  <math>3 - ab = a^2 + b^2 \geq 2ab \Rightarrow ab \leq 1</math></p>	<b>0,25</b>
	<p>Vì <math>-3 + \frac{7}{2} \leq ab + \frac{7}{2} \leq 1 + \frac{7}{2} \Rightarrow \frac{1}{4} \leq \left(ab + \frac{7}{2}\right)^2 \leq \frac{81}{4}</math></p> $\Rightarrow -\frac{1}{4} \geq -\left(ab + \frac{7}{2}\right)^2 \geq -\frac{81}{4} \Rightarrow \frac{85}{4} - \frac{1}{4} \geq P \geq \frac{85}{4} - \frac{81}{4} \Rightarrow 21 \geq P \geq 1$ <p>GTLN của <math>P = 21</math>, xảy ra khi <math>a = \sqrt{3}, b = -\sqrt{3}</math> hoặc <math>a = -\sqrt{3}, b = \sqrt{3}</math>  GTNN của <math>P = 1</math>, xảy ra khi <math>a = b = 1</math>. hoặc <math>a = b = -1</math></p>	<b>0,25</b>
<b>TỔNG ĐIỂM</b>		<b>10,0</b>

